

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NGHI XUÂN  
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2025/HS-ST  
Ngày: 18-6-2025

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHI XUÂN, TỈNH HÀ TĨNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Nữ Ngọc Diệp

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Nguyễn Hồng Quân
- Bà Trần Thị Thanh Tâm

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hương Giang – Thư ký Toà án nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:** Ông Trịnh Quốc Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 22/2025/TLST-HS ngày 14 tháng 5 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2025/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 6 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trịnh Quốc T; giới tính: Nam; tên gọi khác: Không; sinh ngày: 09 tháng 7 năm 2008 (đến thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 07 tháng 22 ngày), tại: xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh; nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Thôn H, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: Không; Số thẻ CCCD: 042208009637, cấp ngày: 17/02/2023, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH - Bộ C; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 9/12; chức vụ, đảng phái, đoàn thể: Không; họ và tên cha: Trịnh Ngọc H, sinh năm 1977; Nghề nghiệp: Lao động tự do; họ và tên mẹ: Mai Thị B, sinh năm 1987; nghề nghiệp: Lao động tự do, đều thường trú tại: thôn H, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh; anh, chị, em ruột: Có 03 người, bị cáo là con thứ nhất; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không;

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa;

- **Đại diện hợp pháp cho bị cáo Trịnh Quốc T:** Bà Mai Thị B, sinh năm: 1987, nơi cư trú: Thôn H, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Lao động tự do, sdt: 0345.699.789, có mặt tại phiên tòa

- *Người bào chữa cho bị cáo Trịnh Quốc T:* Bà Phan Ngọc T1, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh H; có mặt tại phiên toà

- *Bị hại:*

+ Cháu Hoàng Khánh B1, sinh ngày: 10/11/2010, cư trú tại: Tổ dân phố G, thị trấn T, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh; 0367.022.078, có mặt tại phiên toà;

+ Người đại diện hợp pháp cho bị hại Hoàng Khánh B1: Ông Đặng Văn T2, sinh năm: 1947, địa chỉ: Tổ dân phố G, thị trấn T, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt;

+ Cháu Trần Đức M, sinh ngày: 13/3/2010, nơi cư trú: Tổ dân phố H, thị trấn T, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh; 038.269.7248, vắng mặt

+ Người đại diện hợp pháp cho bị hại Trần Đức M: Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm: 1960, địa chỉ: Thôn Y, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt

+ *Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho các bị hại:* Cháu Hoàng Khánh B2, cháu Trần Đức M: Bà Nguyễn Anh T3, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh H; có mặt tại phiên toà

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Bùi Anh D, sinh năm: 2005, nơi cư trú: Thôn H, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh; 0329.752.232, vắng mặt

+ Anh Lê Đại D1, sinh năm: 1989, nơi cư trú: Thôn H, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh; 0962.606.567, vắng mặt

+ Anh Phan Đình P, sinh năm: 1990, nơi cư trú: Thôn H, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh; 0865.882.188, vắng mặt

+ Ông Trịnh Ngọc H, sinh năm: 1977, nơi cư trú: Thôn H, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh; 0972.083.243, vắng mặt

+ Bà Võ Thị P1, sinh năm: 1972, nơi cư trú: Thôn H, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh; 0819.235.558, vắng mặt

+ Chị Nguyễn Thị T4, sinh năm: 1995, nơi cư trú: Thôn Y, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh; 0962.671.415, vắng mặt

+ Ông Đinh Anh T5, sinh năm: 1979, nơi cư trú: Thôn T, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh; 0978.905.060, vắng mặt

+ Ông Trần Thanh H2, sinh năm: 1974, nơi cư trú: Thôn E, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh; 0822.310.678, vắng mặt

+ Cháu Trịnh Trọng T6, sinh năm: 2011, nơi cư trú: Thôn H, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt

- Đại diện hợp pháp cho cháu Trịnh Trọng T6: Bà Mai Thị B, sinh năm: 1987, nơi cư trú: Thôn H, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh; 0345.699.789, có mặt tại phiên toà

- *Người làm chứng:*

+ Cháu Nguyễn Phan Đức M1, sinh ngày: 14/5/2010, nơi cư trú: Thôn Y, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh; 038.725.9760, vắng mặt

+ Đại diện hợp pháp cho cháu Nguyễn Phan Đức M1: Bà Phan Thị H3, sinh năm: 1988, nơi cư trú: Thôn Y, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 01/3/2025, Trịnh Quốc T đi xe máy biển kiểm soát 38X1 - 5405 (mượn của mẹ là chị Nguyễn Thị T4) đến chùa V thuộc thôn Y, xã X, huyện N để lấy chiếc xe máy biển kiểm soát 38N-008.92 của gia đình, do trước đó Trịnh Trọng T6 (em trai của T) sử dụng đi học, đang gửi tại chùa V. Khi đến chùa, T tìm được chiếc xe máy biển kiểm soát 38N-008.92 của gia đình mình đang dựng tại sân chùa, đồng thời quan sát xung quanh, thấy một số xe máy điện cũng đang dựng tại sân chùa, trong đó có xe máy biển kiểm soát 38AN - 059.34 của cháu Hoàng Khánh B1 (sinh năm 2010) mà không có ai trông coi. T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. T đi lại gần, dùng tay mở cốp xe 38AN - 059.34, lấy trộm 02 chiếc điện thoại di động. Trong đó, 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 12 của cháu Bằng và 01 chiếc điện thoại Iphone X của cháu Trần Đức M (sinh năm 2010), bỏ vào túi quần rồi điều khiển xe máy 38N-008.92 của gia đình mình rời khỏi chùa V. Sau khi lấy trộm, T đưa chiếc điện thoại Iphone 12 đến cửa hàng mua bán, sửa chữa điện thoại Dương Mobile ở thôn H, xã X, huyện N, do Lê Đại D1 làm chủ và chiếc điện thoại Iphone X đến cửa hàng mua bán, sửa chữa điện thoại Phùng Thảo ở thôn T, xã X, huyện N do Phan Đình P làm chủ, để thuê bẻ khóa iCloud của 02 chiếc điện thoại nói trên. Sau khi bẻ khóa xong, T bán chiếc điện thoại Iphone 12 cho Bùi Anh D, sinh năm 2005, trú tại thôn H, xã X, huyện N với giá 3.300.000 đồng (trong đó, D trực tiếp đưa cho T 800.000 đồng, còn 2.500.000 đồng thì D thay T trả tiền bẻ khóa iCloud cho Lê Đại D1). T trả cho Phan Đình P 400.000 đồng tiền thuê bẻ khóa iCloud, còn lại 400.000 đồng tiêu xài cá nhân hết. Còn chiếc điện thoại Iphone X, T để lại sử dụng làm phương tiện liên lạc cá nhân. Đến ngày 07/3/2025, cháu M phát hiện T đang sử dụng chiếc điện thoại của mình bị mất trộm, nên đã đòi lại và trình báo với Công an xã X, huyện Nghi Xuân.

Tại Kết luận định giá tài sản số 12/KL-HĐĐGTS ngày 18/3/2025 của Hội đồng định giá tài sản huyện Nghi Xuân, kết luận:

+ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, màn hình cảm ứng, vỏ màu trắng, có số Imei là 35672108853033 định giá 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng chẵn);

+ 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 12, vỏ màu xanh lá, màn hình cảm ứng, có số sê-ri: DX3H34620DXV, định giá 8.000.000 đồng (tám triệu đồng chẵn).

Tổng giá trị tài sản bị cáo đã chiếm đoạt được của 02 bị hại là 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng chẵn).

\* Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, xử lý vật chứng:

Thu giữ 02 chiếc điện thoại di động. Trong đó, 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 12, vỏ màu xanh lá, có số sê-ri: DX3H34620DXV, đã qua sử dụng (thu giữ từ Bùi Duy A) và 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone X, vỏ màu trắng, số IMEI: 35672108853033, đã qua sử dụng (thu giữ từ Trần Đức Mạnh). Hiện 02 chiếc điện thoại nói trên đã được trả lại cho các bị hại. Trong đó, Hoàng Khánh B1, chiếc điện thoại Iphone 12 và Trần Đức M, chiếc Iphone X.

\* Trách nhiệm dân sự: Bị cáo Trịnh Quốc T đã tác động mẹ là bà Mai Thị B bồi thường cho bị hại Trần Đức M số tiền 1.000.000 đồng (do điện thoại bị hỏng) và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bùi Anh D số tiền 3.300.000 đồng. Hiện cháu B1, M và Bùi Anh D không yêu cầu gì thêm và các bị hại đều có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Tại Cơ quan điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Hành vi của Trịnh Quốc T đã bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh truy tố tại Cáo trạng số 22/CT-VKS-NX ngày 14/5/2025 về tội danh “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 65, 90, 91, 101 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Án phí và quyền kháng cáo thực hiện theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không tranh luận.

Người bào chữa cho bị cáo Trịnh Quốc T không tranh luận về tội danh, điều luật áp dụng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tính bột phát khi bị cáo thực hiện tội phạm, nhân thân tốt, khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi, nhận thức pháp luật hạn chế để áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật hình sự Việt Nam.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho các bị hại không tranh luận về quan điểm luận tội của Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử đánh giá khách quan tính chất, động cơ, khách thể xâm phạm của tội phạm trên cơ sở cân nhắc đến lợi ích hợp pháp của các bị hại cũng là những người chưa đủ 18 tuổi để áp dụng hình phạt đủ răn đe, giáo dục đối với bị cáo cũng như phòng ngừa các loại tội phạm nói chung.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo nhận thức được mức độ, tính chất, hậu quả hành vi phạm tội đã thực hiện, xin được hưởng sự khoan hồng của pháp luật xử phạt bị cáo mức án nhẹ nhất để có cơ hội sớm trở về chăm lo cho gia đình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện N, tỉnh Hà Tĩnh, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng và hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị hại (cháu Trần Đức M), người đại diện hợp pháp của cháu Trần Đức M, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt, không có lý do. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án những người này đã có lời khai tại hồ sơ, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Trịnh Quốc T khai nhận hành vi đã thực hiện đúng như nội dung cáo trạng truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, biên bản ghi lời khai, biên bản truy tìm vật chứng, kết luận giám định cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng hơn 10 giờ ngày 01/3/2025, Trịnh Quốc T lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu đã lén lút lấy trộm 02 chiếc điện thoại di động của cháu Hoàng Khánh B1 và Trần Đức M (đều sinh năm 2010) bỏ trong cốp xe máy dựng tại chùa V thuộc thôn Y, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Sau đó, T bán điện thoại Iphone 12 lấy tiền tiêu xài, còn điện thoại Iphone X để lại sử dụng thì bị phát hiện. Tổng trị giá tài sản Trịnh Quốc T chiếm đoạt của 02 bị hại là 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng).

[4] Hành vi của Trịnh Quốc T đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Xuân là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Người phạm tội tự nguyện

bồi thường thiệt hại; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt: Hành vi của Trịnh Quốc T xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của cá nhân được pháp luật hình sự bảo hộ, làm mất an ninh trật tự tại địa phương, ảnh hưởng xấu đến đời sống xã hội. Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng, khi thực hiện hành vi phạm tội chưa đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự cho bị cáo. Tuy nhiên, xét thấy mặc dù tuổi đời còn trẻ nhưng bị cáo không chăm lo học tập, tu dưỡng đạo đức mà sớm thực hiện hành vi trái pháp luật, giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt lớn (11 triệu đồng). Do đó, không chấp nhận đề nghị của Người bào chữa, xử phạt bị cáo 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp và đúng pháp luật.

[7] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường và trả lại tài sản cho bị hại; bị hại không có yêu cầu khác đối với bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử miễn xét.

[9] Trong vụ án có Bùi Anh D là người trực tiếp mua chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 12 (do Trịnh Quốc T lấy trộm của bị hại Hoàng Khánh B1); Lê Đại D1 và Phan Đình P là những người được T thuê bẻ khóa Icloud. Tuy nhiên, quá trình điều tra xác định D, D1 và P đều không biết điện thoại là do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra Công an tỉnh H không xem xét trách nhiệm hình sự là đúng pháp luật.

- Chiếc xe máy biển kiểm soát 38X1-5405 thuộc sở hữu của chị Nguyễn Thị T4 (mợ của T) và chiếc xe máy biển kiểm soát 38AN-008.92 thuộc sở hữu của ông Trịnh Ngọc H (bố của T) đều là phương tiện do Trịnh Quốc T sử dụng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Tuy nhiên, chị T4, ông H không biết việc này nên Cơ quan điều tra Công an tỉnh H không thu giữ xe máy và không xem xét trách nhiệm hình sự đối với chị T4 và ông H là đúng pháp luật.

[10]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo; bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

*Vì các lẽ trên,*

### QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 45; 46; khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293, các Điều 260; 268; 269; 326 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 65, Điều 90, 91, 101 Bộ luật Hình sự:

1. Tuyên bố bị cáo Trịnh Quốc T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt Trịnh Quốc T 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Giao bị cáo Trịnh Quốc T cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh và gia đình các bị cáo quản lý, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a Điều 3; khoản 1 Điều 6; khoản 1, khoản 3 Điều 21, điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Trịnh Quốc T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Áp dụng các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa; bị hại (cháu Hoàng Khánh B1) có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án cấp trên trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại (cháu Trần Đức M), người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người đại diện của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa; bị hại (cháu Hoàng Khánh B1); vắng mặt bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại (cháu Trần Đức M), người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người đại diện của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Tĩnh (phòng KTNV&THAHS);
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKS, Chi cục THADS h. Nghi Xuân;
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh HT;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Đại diện HP của bị cáo, BH, NCQLNVLQ;
- Người bào chữa;
- Người bảo vệ QLIHP cho bị hại;
- Công an xã Xuân Yên;
- UBND xã Xuân Yên;
- Lưu: HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(đã ký đóng dấu)

**Lê Nữ Ngọc Diệp**

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo; bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các Điều 45; 46; khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293, các Điều 260; 268; 269; 326 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 65, Điều 90, 91, 101 Bộ luật Hình sự:

1. Tuyên bố bị cáo Trịnh Quốc T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt Trịnh Quốc T 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Giao bị cáo Trịnh Quốc T cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh và gia đình các bị cáo quản lý, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a Điều 3; khoản 1 Điều 6; khoản 1, khoản 3 Điều 21, điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Trịnh Quốc T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Áp dụng các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa; bị hại (cháu Hoàng Khánh B1) có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án cấp trên trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại (cháu Trần Đức M), người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người đại diện của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa; bị hại (cháu Hoàng Khánh B1); vắng mặt Bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại (cháu Trần Đức M), người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người đại diện của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hồng Quân**

**Trần Thị Thanh Tâm**

**Lê Nữ Ngọc Diệp**